

Họ, tên:..... SBD:

Mã đề thi 134

- Câu 41:** Cho 8,9 gam α - amino axit X (công thức có dạng $H_2NC_nH_{2n}COOH$) tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 12,55 gam muối. X là
A. alanin. B. glyxin. C. valin. D. lysin.
- Câu 42:** Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?
A. Xenlulozơ. B. Fructozơ. C. Saccarozơ. D. Glucozơ.
- Câu 43:** Kim loại nào sau đây **không** tan được trong dung dịch HCl?
A. Al. B. Cu. C. Mg. D. Zn.
- Câu 44:** Kim loại nào sau đây tan trong nước ở điều kiện thường?
A. Cu. B. Fe. C. Na. D. Al.
- Câu 45:** Đốt cháy hoàn toàn m gam Fe trong khí O_2 dư, thu được 2,32 gam Fe_3O_4 . Giá trị của m là
A. 16,8. B. 1,68. C. 1,12. D. 1,40.
- Câu 46:** Tinh thể chất rắn X không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. X có nhiều trong mật ong nên làm cho mật ong có vị ngọt sắc. Trong công nghiệp, X được điều chế bằng phản ứng thủy phân chất Y. Tên gọi của X và Y lần lượt là
A. glucozơ và fructozơ. B. saccarozơ và glucozơ.
C. saccarozơ và xenlulozơ. D. fructozơ và saccarozơ.
- Câu 47:** Cho m gam Cu tác dụng hết với dung dịch $AgNO_3$ dư, thu được 10,8 gam Ag. Giá trị của m là
A. 11,2. B. 14,0. C. 6,4. D. 3,2.
- Câu 48:** Cặp dung dịch chất nào sau đây phản ứng với nhau tạo ra chất khí?
A. Na_2CO_3 và $Ca(OH)_2$. B. NH_4Cl và $AgNO_3$. C. NaOH và NH_4Cl . D. NaOH và H_2SO_4 .
- Câu 49:** Hiện nay, nhiều nơi ở nông thôn đang sử dụng hầm biogas để xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc cung cấp nhiên liệu cho việc đun nấu. Chất dễ cháy trong khí biogas và chiếm hàm lượng cao nhất là
A. metan. B. propan. C. etan. D. butan.
- Câu 50:** Tơ nào sau đây thuộc loại tơ nhân tạo?
A. Tơ visco. B. Tơ nitron. C. Tơ capron. D. Tơ tằm.
- Câu 51:** Chất nào sau đây được gọi là thạch cao sống?
A. $CaSO_4$. B. $CaCO_3$. C. $CaSO_4 \cdot H_2O$. D. $CaSO_4 \cdot 2H_2O$.
- Câu 52:** Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp nhiệt luyện?
A. Mg. B. Fe. C. Na. D. Ca.
- Câu 53:** Este nào sau đây tác dụng với dung dịch NaOH thu được natri axetat?
A. $C_2H_3COOCH_3$. B. $HCOOC_2H_5$. C. CH_3COOCH_3 . D. $HCOOCH_3$.
- Câu 54:** Dung dịch chất nào sau đây hòa tan được $Zn(OH)_2$?
A. NaOH. B. $MgCl_2$. C. $NaNO_3$. D. KCl.
- Câu 55:** Công thức hóa học của sắt (III) sunfat là
A. $FeCl_3$. B. $Fe_2(SO_4)_3$. C. $FeCl_2$. D. $FeSO_4$.
- Câu 56:** Crom tác dụng với axit clohidric (đun nóng), thu được sản phẩm là
A. $CrCl_3$. B. $CrCl$. C. Cr_2O_3 . D. $CrCl_2$.
- Câu 57:** Dung dịch nào sau đây làm đổi màu quỳ tím thành xanh?
A. $C_6H_5NH_2$. B. H_2NCH_2COOH . C. HCl. D. NaOH.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tơ tằm thuộc loại tơ nhân tạo. B. Amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.
C. Tơ visco thuộc loại tơ tổng hợp. D. PVC được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

Câu 59: Đun nóng 200 ml dung dịch glucozo a (mol/l) với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 . Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 21,6 gam Ag. Giá trị của a là

- A. 0,1. B. 1,0 C. 0,5. D. 0,2.

Câu 60: Công thức của axit panmitic là

- A. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$. B. CH_3COOH . C. $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COOH}$. D. $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$.

Câu 61: Thí nghiệm nào sau đây có xảy ra ăn mòn điện hóa học?

- A. Nhúng thanh Fe vào dung dịch hỗn hợp gồm CuSO_4 và HCl.
B. Đốt dây Mg trong bình đựng khí O_2 .
C. Nhúng thanh Cu vào dung dịch HNO_3 loãng.
D. Nhúng thanh Fe vào dung dịch HCl.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Đimetylamin có công thức $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$. B. Lysin là hợp chất có tính lưỡng tính.
C. Valin tác dụng với dung dịch Br_2 tạo kết tủa. D. Phân tử Gly-Ala-Val có 6 nguyên tử oxi.

Câu 63: Cho 2 ml chất lỏng X vào ống nghiệm khô có sẵn vài viên đá bọt, sau đó thêm từng giọt dung dịch H_2SO_4 đặc, lắc đều. Đun nóng hỗn hợp, sinh ra hidrocacon Y làm nhạt màu dung dịch KMnO_4 . Chất X, Y lần lượt là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{CH}_2=\text{CH}_2$. B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$, $\text{CH}_2=\text{CH}_2$. C. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. CH_3OH , $\text{CH}_2=\text{CH}_2$.

Câu 64: Thí nghiệm nào sau đây thu được hai muối sau khi kết thúc phản ứng ?

- A. Cho Fe vào dung dịch CuSO_4 . B. Cho $\text{Fe}(\text{OH})_2$ vào dung dịch H_2SO_4 loãng.
C. Cho Fe_3O_4 vào dung dịch HCl. D. Đốt cháy Fe trong bình khí Cl_2 dư.

Câu 65: Cho các phát biểu sau:

- (a) Thủy phân chất béo luôn thu được glixerol.
(b) Tinh bột bị thủy phân khi có xúc tác axit hoặc enzym.
(c) Thủy phân vinyl fomat, thu được hai sản phẩm đều có phản ứng tráng bạc.
(d) Trùng ngưng axit ϵ -aminocaproic, thu được policaproamit.
(e) Chỉ dùng quỳ tím có thể phân biệt ba dung dịch: alanin, lysin, axit glutamic.
(g) Phenylamin tan ít trong nước nhưng tan tốt trong dung dịch HCl.

Số phát biểu đúng là

- A. 5. B. 6. C. 3. D. 4.

Câu 66: Cho các chất: Cr, FeCO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Cr}(\text{OH})_3$, NaCl. Số chất phản ứng được với dung dịch HCl là

- A. 3. B. 4. C. 6. D. 5.

Câu 67: Cho các phát biểu sau:

- (a) Điện phân dung dịch NaCl với điện cực trơ, thu được khí Cl_2 ở catot.
(b) Dùng khí CO (dư) khử CuO nung nóng, thu được kim loại Cu.
(c) Để hợp kim Fe-Ni ngoài không khí ẩm thì kim loại Ni bị ăn mòn điện hóa học.
(d) Dùng dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ dư có thể tách Ag ra khỏi hỗn hợp Ag và Cu.
(e) Cho Fe dư vào dung dịch AgNO_3 , sau phản ứng thu được dung dịch chứa hai muối.

Số phát biểu đúng là

- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

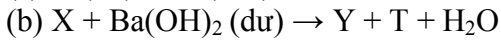
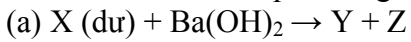
Câu 68: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Cho bột Cu dư vào dung dịch FeCl_3 .
(b) Đốt dây Fe trong khí Cl_2 dư.
(c) Cho bột Fe_3O_4 vào dung dịch H_2SO_4 loãng, dư.
(d) Cho bột Fe vào dung dịch AgNO_3 dư.
(e) Cho bột Fe dư vào dung dịch HNO_3 loãng.
(g) Cho bột Fe vào lượng dư dung dịch NaNO_3 và HCl.

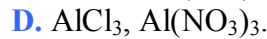
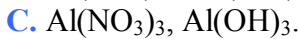
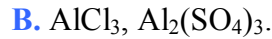
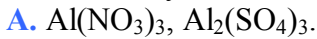
Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được muối sắt (II) là

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

Câu 69: Cho các sơ đồ phản ứng sau:



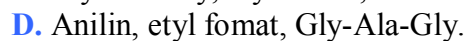
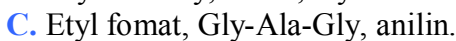
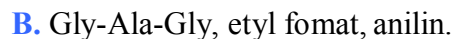
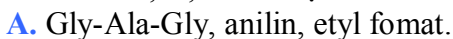
Biết các phản ứng đều xảy ra trong dung dịch và chất Y tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng. Hai chất nào sau đây đều thỏa mãn tính chất của X ?



Câu 70: Kết quả thí nghiệm của các chất X, Y, Z với các thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Chất	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Cu(OH)_2	Tạo hợp chất màu tím
Y	Dung dịch AgNO_3 trong NH_3	Tạo kết tủa Ag
Z	Nước brom	Tạo kết tủa trắng

Các chất X, Y, Z lần lượt là



Câu 71: Cracking 6,72 lít C_4H_{10} (đktc) một thời gian thì thu được hỗn hợp X gồm 5 hidrocarbon. Cho X đi qua dung dịch Br_2 dư thì thấy khối lượng bình Br_2 tăng lên m gam đồng thời thấy có khí Y bay ra khỏi bình. Đốt cháy Y thì cần 23,52 lít khí O_2 (đo ở đktc). Giá trị của m là

A. 8,96

B. 24,64

C. 8,4

D. 43,68

Câu 72: Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH, thu được glixerol, natri stearat và natri oleat. Đốt cháy hoàn toàn m gam X cần vừa đủ 3,22 mol O_2 , thu được H_2O và 2,28 mol CO_2 . Mặt khác, m gam X tác dụng tối đa với a mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,20.

B. 0,04.

C. 0,08.

D. 0,16.

Câu 73: Điện phân dung dịch X gồm $\text{Cu(NO}_3)_2$ và NaCl với điện cực trơ, màng ngăn xốp, cường độ dòng điện không đổi $I = 2,5\text{A}$. Sau t giây, thu được 7,68 gam kim loại ở catot, dung dịch Y (vẫn còn màu xanh) và hỗn hợp khí ở anot có tỉ khối so với H_2 bằng 25,75. Mặt khác, nếu điện phân X trong thời gian 12352 giây thì tổng số mol khí thu được ở hai điện cực là 0,11 mol. Giả thiết hiệu suất điện phân là 100%, các khí sinh ra không tan trong nước và nước không bay hơi trong quá trình điện phân. Số mol ion Cu^{2+} trong Y là

A. 0,01.

B. 0,02.

C. 0,03.

D. 0,04.

Câu 74: Hỗn hợp E gồm hai axit cacboxylic X và Y đều đơn chức và este T tạo từ ancol Z no, hai chức, mạch hở với X và Y, trong đó số mol X bằng số mol của Z (X, Y có cùng số nguyên tử hidro, trong đó X no, mạch hở và Y mạch hở, chứa 1 liên kết $\text{C} = \text{C}$). Đốt cháy hoàn toàn m gam E, thu được 0,3 mol CO_2 và 0,22 mol H_2O . Mặt khác, thủy phân hoàn toàn m gam E trong dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được a gam muối và 1,24 gam ancol Z. Phần trăm khối lượng của muối có khối lượng phân tử nhỏ là

A. 44,84%.

B. 63,23%.

C. 55,16%.

D. 36,77%.

Câu 75: Thực hiện phản ứng nhiệt nhôm hỗn hợp gồm Al và m gam hai oxit sắt trong khí trơ, thu được hỗn hợp chất rắn X. Cho X vào dung dịch NaOH dư, thu được dung dịch Y, chất không tan Z và 0,672 lít khí H_2 (đktc). Sục khí CO_2 dư vào Y, thu được 8,58 gam kết tủa. Cho Z tan hết vào dung dịch H_2SO_4 (đặc, nóng), thu được dung dịch chứa 20,76 gam muối sunfat và 3,472 lít khí SO_2 (đktc). Biết SO_2 là sản phẩm khử duy nhất của S^{+6} , các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

A. 8,04.

B. 6,80.

C. 7,28.

D. 6,96.

Câu 76: Hỗn hợp X gồm alanin, axit glutamic và hai amin thuộc dãy đồng đẳng của metylamin. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp X, thu được 0,79 mol hỗn hợp Y gồm $\text{CO}_2, \text{H}_2\text{O}$ và N_2 . Dẫn Y qua bình đựng dung dịch H_2SO_4 đặc dư, thấy khối lượng bình tăng 7,38 gam. Nếu cho 33,68 gam hỗn hợp X trên tác dụng với dung dịch HCl loãng dư, thu được m gam muối. Giá trị gần nhất của m là

A. 46,40.

B. 48,20.

C. 42,30.

D. 48,30.

Câu 77: Hỗn hợp E gồm bốn este đều có công thức $C_8H_8O_2$ và có vòng benzen. Cho m gam E tác dụng tối đa với 200 ml dung dịch NaOH 1M (đun nóng), thu được hỗn hợp X gồm các ancol và 20,5 gam hỗn hợp muối. Cho toàn bộ X vào bình đựng kim loại Na dư, sau khi phản ứng kết thúc khối lượng chất rắn trong bình tăng 6,9 gam so với ban đầu. Giá trị của m là

- A. 16,32. B. 8,16. C. 20,40. D. 13,60.

Câu 78: Hỗn hợp X gồm Al_2O_3 , Ba, K (trong đó oxi chiếm 20% khối lượng của X). Hòa tan hoàn toàn m gam X vào nước dư, thu được dung dịch Y và 0,022 mol khí H_2 . Cho từ từ đến hết dung dịch gồm 0,018 mol H_2SO_4 và 0,038 mol HCl vào Y, thu được dung dịch Z (chỉ chứa các muối clorua và muối sunfat trung hòa) và 2,958 gam hỗn hợp kết tủa. Giá trị của m là

- A. 3,912. B. 3,600. C. 3,090. D. 4,422.

Câu 79: Hòa tan hoàn toàn hai chất rắn X, Y (có số mol bằng nhau) vào nước thu được dung dịch Z.

Tiến hành các thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: Cho dung dịch HCl dư vào V ml dung dịch Z, thu được V_1 lít khí.

Thí nghiệm 2: Cho dung dịch HNO_3 dư vào V ml dung dịch Z, thu được V_2 lít khí.

Thí nghiệm 3: Cho dung dịch $NaNO_3$ dư và HCl dư vào V ml dung dịch Z, thu được V_2 lít khí.

Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và $V_1 < V_2$ và sản phẩm khử duy nhất của N^{+5} là NO, các thể tích khí đo ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất. Hai chất X, Y lần lượt là

- A. $FeCl_2$, $NaHCO_3$. B. $FeCl_2$, $FeCl_3$. C. $NaHCO_3$, $Fe(NO_3)_2$. D. $Fe(NO_3)_2$, $FeCl_2$.

Câu 80: Tiến hành phản ứng tráng bạc andehit axetic với dung dịch $AgNO_3/NH_3$, người ta tiến hành các bước sau đây:

Bước 1: Rửa sạch các ống nghiệm bằng cách nhỏ vào mấy giọt kiềm, đun nóng nhẹ, tráng đều, sau đó đổ đi và tráng lại ống nghiệm bằng nước cất.

Bước 2: Nhỏ vào ống nghiệm trên 2 giọt dung dịch $AgNO_3$ và 1 giọt dung dịch NH_3 , trong ống nghiệm xuất hiện kết tủa nâu xám của bạc hidroxit, nhỏ tiếp vài giọt dung dịch NH_3 đến khi kết tủa tan hết.

Bước 3: Nhỏ tiếp vào ống nghiệm 2 giọt dung dịch CH_3CHO và đun nóng nhẹ trên ngọn lửa đèn cồn (hoặc nhúng trong cốc nước nóng $60^\circ C$ vài phút), lúc này bạc tách ra và bám vào thành ống nghiệm phản chiếu như gương.

Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong bước 1 có thể dùng NaOH để làm sạch bề mặt ống nghiệm do thủy tinh bị dung dịch NaOH ăn mòn.
 B. Sản phẩm tạo thành từ phản ứng tráng bạc của thí nghiệm trên gồm Ag, CH_3COONH_4 và NH_4NO_3 .
 C. Trong bước 2, khi nhỏ tiếp dung dịch NH_3 vào, kết tủa nâu xám của bạc hidroxit bị hòa tan do tạo thành phức bạc $[Ag(NH_3)_2]^+$.
 D. Trong bước 3, để kết tủa bạc nhanh bám vào thành ống nghiệm chúng ta phải luôn lắc đều hỗn hợp phản ứng.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Mã đề: 134

	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
A																				
B																				
C																				
D																				

	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
A																				
B																				
C																				
D																				